

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2009	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

1. **Hội đồng Quản trị**

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Ngô Văn Giáo	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Hàng Phi Quang	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Hồ Văn Đoàn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Tiến Hiệp	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Quang Dương	Thành viên HĐQT
Ông Võ Đắc Khôi	Thành viên HĐQT

2. **Ban Giám đốc**

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hàng Phi Quang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc

3. **Trụ sở hoạt động**

Trụ sở chính đặt tại: 282 Lê Văn Sĩ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Hà Nội	Số 14 ngõ 489 Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
Trạm Giống cây trồng Tây Nguyên	Xã Eatu, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắklăk
Trạm Giống cây trồng Củ Chi	Xã Phước Thạnh, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
Trại Giống cây trồng Cờ Đỏ	Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Cần Thơ
Trạm Giống cây trồng Cai Lậy	Xã Nhị Mỹ, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trại Giống cây trồng Lâm Hà

Xã Đạ Đờn, Huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm
Đồng.

Trung tâm nghiên cứu Giống cây
trồng Miền Nam

Xã Tân Hiệp, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình
Dương

Văn phòng đại diện tại Campuchia

63A, Street 261, Sangkak Teak Lo-ok3,
Khan Toul Kork, Phnom Penh, Cambodia

4. Các hoạt động chính

Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật.

5. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động của năm tài chính cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc vào cùng ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 06 đến trang 27.

6. Công bố trách nhiệm của Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31/12/2009. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

7. Kiểm toán viên

Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

8. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty năm 2009.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

NGÔ VĂN GIÁO

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 27 tháng 01 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009 được lập vào ngày 27 tháng 01 năm 2010, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đảm bảo được hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm theo bảng báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính vào ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2009 và được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

P.GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN VĂN TUYÊN

Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2010

HỒ ĐẮC HIẾU

Chứng chỉ KTV số: 0458/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		173,819,183,096	115,598,518,200
I. Tiền	110	V.01	87,824,115,076	44,586,571,201
1. Tiền	111		8,824,115,076	8,086,571,201
2. Các khoản tương đương tiền	112		79,000,000,000	36,500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.02	30,356,577,666	21,709,614,441
1. Phải thu khách hàng	131		26,143,126,982	15,933,032,095
2. Trả trước cho người bán	132		2,189,204,260	1,824,095,172
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		2,537,360,208	4,312,237,718
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(513,113,784)	(359,750,544)
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	52,669,900,960	46,711,465,996
1. Hàng tồn kho	141		59,314,652,047	52,313,651,579
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6,644,751,087)	(5,602,185,583)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.04	2,968,589,394	2,590,866,563
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		759,439,422	320,364,144
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21,845,704	595,471,720
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		19,848,494	172,921,690
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2,167,455,774	1,502,109,009
B. Tài sản dài hạn	200		59,073,865,847	53,976,670,269
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		52,623,942,802	49,956,132,157
1. TSCĐ hữu hình	221	V.05	20,806,425,951	21,205,002,097
- Nguyên giá	222		43,811,804,276	40,485,401,468
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23,005,378,325)	(19,280,399,371)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.06	31,255,619,992	28,582,340,710
- Nguyên giá	228		33,541,487,853	30,538,931,994
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,285,867,861)	(1,956,591,284)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	561,896,859	168,789,350
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.08	4,211,000,000	11,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		4,200,000,000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		11,000,000	11,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	229		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.09	2,238,923,045	4,009,538,112
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,494,923,045	3,265,538,112
2. Tài sản dài hạn khác	268		744,000,000	744,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		232,893,048,943	169,575,188,469

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		58,240,404,777	30,359,241,911
I. Nợ ngắn hạn	310		54,478,284,825	25,620,343,987
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	21,529,185,753	1,153,000,000
2. Phải trả cho người bán	312	V.11	3,037,786,520	12,661,298,041
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	1,893,241,138	1,392,668,087
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.12	1,558,384,394	407,282,027
5. Phải trả công nhân viên	315	V.13	12,239,647,722	4,558,294,053
6. Chi phí phải trả	316	V.14	4,500,985,931	2,878,636,238
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	9,719,053,367	2,569,165,541
II. Nợ dài hạn	330		3,762,119,952	4,738,897,924
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	3,170,892,740	4,323,892,740
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		591,227,212	415,005,184
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	V.17	174,652,644,166	139,215,946,558
I. Nguồn vốn - Quỹ	410		172,682,609,822	138,317,699,014
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100,000,000,000	100,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,793,274,000	528,054,000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(26,450,000)	(2,728,050,000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(185,373,216)	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		35,416,469,775	24,437,054,911
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		8,522,981,304	6,738,202,054
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		26,161,707,959	9,342,438,049
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		1,970,034,344	898,247,544
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1,970,034,344	898,247,544
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		232,893,048,943	169,575,188,469

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	72,240,760	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	6444,35	7,643.50
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Kế toán trưởng

TP HCM, ngày 27 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc

NGUYỄN TIẾN HIỆP

HÀNG PHI QUANG

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng	01		281,880,989,635	212,300,513,178
2. Các khoản giảm trừ	03		23,751,241,541	10,197,291,763
3. Doanh thu thuần	10	VI.01	258,129,748,094	202,103,221,415
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	155,000,215,566	134,505,807,411
5. Lợi nhuận gộp	20		103,129,532,528	67,597,414,004
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	4,675,884,087	4,558,023,291
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	1,927,844,964	3,096,345,970
- Trong đó: lãi vay	23		443,089,790	781,119,872
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	21,531,695,312	15,641,258,652
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	28,677,180,242	19,707,672,468
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		55,668,696,097	33,710,160,205
11. Thu nhập khác	31		695,142,431	60,290,048
12. Chi phí khác	32		84,500,000	36,272,697
13. Lợi nhuận khác	40		610,642,431	24,017,351
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		56,279,338,528	33,734,177,556
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.07	5,645,391,704	3,413,577,169
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		50,633,946,824	30,320,600,387
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	5,095	3,044

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Kế toán trưởng

NGUYỄN TIẾN HIỆP

TP HCM, ngày 27 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc

HÀNG PHI QUANG

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	249,815,663,659	204,757,876,985
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(157,782,468,897)	(115,713,817,004)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(20,330,850,150)	(17,289,087,210)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(422,983,689)	(781,119,872)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(4,573,651,558)	(3,353,309,112)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	23,586,189,533	20,278,632,531
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(59,569,346,618)	(55,837,627,357)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	30,722,552,280	32,061,548,961
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(501,502,210)	(3,211,066,938)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3,000,000,000)	(7,755,673,968)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3,000,000,000	7,723,769,625
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(4,000,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	9,466,650,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3,880,419,268	4,509,785,209
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(621,082,942)	10,733,463,928
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	4,966,820,000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của D	32	-	(2,718,250,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	30,077,155,661	16,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(11,049,787,690)	(17,153,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10,868,558,000)	(17,845,332,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	13,125,629,971	(21,716,582,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	43,227,099,309	21,078,430,889
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	44,586,571,201	23,486,554,150
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	10,444,566	21,586,162
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	87,824,115,076	44,586,571,201

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

TP HCM, ngày 27 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

NGUYỄN TIẾN HIỆP

HÀNG PHI QUANG

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), tên giao dịch tiếng anh là “Southern Seed Joint Stock Company”, là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001067 ngày 24/6/2002 và thay đổi đến lần thứ 3 ngày 21/5/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng vốn điều lệ của Công ty: 100.000.000.000 VND

Văn phòng Công ty đặt tại số 282 Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty có các chi nhánh, trạm, trại như sau:

- Chi nhánh Hà Nội, đặt tại số 14 ngõ 489 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, thành phố Hà Nội;
- Trạm Giống cây trồng Tây Nguyên, đặt tại xã Eatu, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Trạm Giống cây trồng Củ Chi, đặt tại xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại Giống cây trồng Cờ Đỏ, đặt tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Cần Thơ;
- Trạm Giống cây trồng Cai Lậy, đặt tại xã Nhị Mỹ, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Trung tâm nghiên cứu Giống cây trồng Miền Nam, đặt tại xã Tân Hiệp, huyện Phú Giaó, tỉnh Bình Dương;
- Trại Giống cây trồng Lâm Hà, đặt tại xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng;
- Văn phòng đại diện đặt tại số 63A-Street 261 Sangkak Teak Lo-ok3, Khan Toul Kork, Phnom Penh, Cambodia.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ - Thương mại - Sản xuất

3. Ngành nghề kinh doanh

Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

1. Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 15/3/2006.
2. Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng là Đồng Việt Nam (“đ”) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính như sau:

Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận như sau:

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản công nợ dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đối với sản phẩm hạt giống và vật tư nông nghiệp, Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán với giá trị cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cho từng quý.

Đối với sản phẩm cơ khí, Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán với giá trị cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cho từng tháng.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc 04 – 25 năm

Máy móc thiết bị 05 – 12 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phương tiện vận tải	06 – 08 năm
Thiết bị quản lý	03 – 06 năm
Chi phí đền bù	10 – 20 năm
Phần mềm kế toán	03 năm

6. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 2% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội.

7. Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, tương xứng với doanh thu đã ghi nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu niêm yết.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

9. Ghi nhận thu nhập và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi phí

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

10. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 20% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cây giống và 25% đối với các hoạt động kinh doanh còn lại trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có. Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau theo kế hoạch chuyển lỗ đăng ký với cơ quan thuế.

Do cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước nên Công ty được miễn 100% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm (kể từ năm 2003) và giảm 50% trong 05 năm tiếp theo (2005 đến 2009). Năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

11. Tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế lương của Công ty. Theo đó, tổng quỹ tiền lương trích vào chi phí trong năm là 115 đồng/1.000 đồng doanh thu thuần.

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ lần lượt là 20%, 3% và 2% tương ứng tiền lương cơ bản của người lao động. Tỷ lệ 18% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 7% sẽ được trích từ lương của người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá trị thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết: Nếu có cơ sở thu thập, dự phòng giảm giá chứng khoán sẽ được trích lập vào chi phí trong kỳ; Nếu không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý của chúng, sẽ được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

13. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng dự án hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

15. Số liệu so sánh

Số dư đầu kỳ đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của thời kỳ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2009	01/01/2009
Tiền mặt	805,383,174	868,054,261
Tiền gửi ngân hàng	8,018,731,902	7,218,516,940
Các khoản tương đương tiền (*)	79,000,000,000	36,500,000,000
Cộng	87,824,115,076	44,586,571,201

(*) Các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng, bao gồm:

	Số dư ngày 31/12/2009	Lãi suất %/năm
Ngân hàng NNo & PTNT VN	56,000,000,000	8,90% - 9,70%
Ngân hàng HSBC	2,000,000,000	10,48%
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	11,000,000,000	10,49%
Ngân hàng TMCP An Bình	5,000,000,000	10,00%
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5,000,000,000	10,49%
Cộng	79,000,000,000	

2. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2009	01/01/2009
Phải thu khách hàng	26,143,126,982	15,933,032,095
Trả trước người bán	2,189,204,260	1,824,095,172
Phải thu khác (*)	2,537,360,208	4,312,237,718
Cộng	30,869,691,450	22,069,364,985
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(513,113,784)	(359,750,544)
Cộng	30,356,577,666	21,709,614,441

(*) Phải thu khác bao gồm:

Khoản phải thu lãi tiền gửi	785,857,500
Khoản tiền cho Công ty Cổ phần Bắc Nghệ An mượn	360,000,000
Khoản phải thu các trạm trại	81,251,126
Bảo hiểm xã hội	283,670,579
Khoản ứng vốn và giống cho nông dân	692,391,670
Các khoản phải thu khác	334,189,333
Cộng	2,537,360,208

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Hàng tồn kho	31/12/2009	01/01/2009
Hàng mua đang đi đường	25,848,083	-
Nguyên vật liệu	30,617,664,773	30,101,392,020
Công cụ dụng cụ	317,596,680	121,885,317
Chi phí SXKD dở dang	4,791,285,460	4,977,418,438
Thành phẩm tồn kho	20,107,111,467	9,795,249,993
Hàng hóa	3,351,099,859	5,781,970,936
Hàng gửi đi bán	104,045,725	1,535,734,875
Cộng	59,314,652,047	52,313,651,579
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(6,644,751,087)	(5,602,185,583)
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	52,669,900,960	46,711,465,996

(*) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các mặt hàng kém phẩm chất.

4. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2009	01/01/2009
Chi phí trả trước ngắn hạn (*)	759,439,422	320,364,144
Thuế GTGT được khấu trừ	21,845,704	595,471,720
Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước (Thuế GTGT và thuế TNCN nộp thừa)	19,848,494	172,921,690
Tài sản ngắn hạn khác (**)	2,167,455,774	1,502,109,009
Cộng	2,968,589,394	2,590,866,563

(*) Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm các khoản chi phí di dời nhà xưởng, sửa chữa và công cụ dụng cụ chờ phân bổ,...

(**) Bao gồm:

Tạm ứng	2,154,672,542
Tài sản thiếu chờ xử lý	12,783,232
Cộng	2,167,455,774

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Đầu kỳ	24,471,094,456	9,359,838,730	5,654,165,611	1,000,302,671	40,485,401,468
Tăng	559,505,263	1,054,989,626	1,836,391,641	114,706,370	3,565,592,900
Giảm	-	239,190,092	-	-	239,190,092
Cuối kỳ	25,030,599,719	10,175,638,264	7,490,557,252	1,115,009,041	43,811,804,276
Hao mòn lũy kế					
Đầu kỳ	10,822,579,552	4,294,253,542	3,539,405,918	624,160,359	19,280,399,371
Tăng	2,014,548,739	1,135,480,197	655,986,040	158,154,070	3,964,169,046
Giảm	-	239,190,092	-	-	239,190,092
Cuối kỳ	12,837,128,291	5,190,543,647	4,195,391,958	782,314,429	23,005,378,325
Giá trị còn lại					
Đầu kỳ	13,648,514,904	5,065,585,188	2,114,759,693	376,142,312	21,205,002,097
Cuối kỳ	12,193,471,428	4,985,094,617	3,295,165,294	332,694,612	20,806,425,951

- Tài sản cố định tăng trong năm do mua sắm mới là 2.541.066.098 đồng và xây dựng cơ bản hoàn thành là 1.024.526.802 đồng.
- Tài sản cố định giảm trong là do thanh lý, nhượng bán.
- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp là 3.913.059.278 đồng.
- Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.456.775.743 đồng.

6. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	30,325,068,170	213,863,824	30,538,931,994
Tăng	3,002,555,859	-	3,002,555,859
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ (*)	33,327,624,029	213,863,824	33,541,487,853
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1,921,138,954	35,452,330	1,956,591,284
Tăng	257,988,637	71,287,940	329,276,577
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2,179,127,591	106,740,270	2,285,867,861
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	28,403,929,216	178,411,494	28,582,340,710
Số dư cuối kỳ	31,148,496,438	107,123,554	31,255,619,992

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

(*) Bao gồm các quyền sử dụng đất:

Số QSDĐ	Địa chỉ	TBD	Thửa số	Diện tích (m2)	Thời gian sử dụng
8737/2002	282 Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, Tp.HCM	4, Chí Hòa	1 phần BK 67	7,785	Lâu dài
000555QSDĐ/2638Q ĐUB	Ấp Mỹ Lợi, xã Nhị Mỹ, huyện Cai Lậy, Tiền Giang	-	21	6,727	Lâu dài
T00005/1AQSDĐ/10 75/UB	Xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, Tp.HCM	10	628	4,034	đến 3/2148
F00137QSDĐ/3761/ TQĐ4B	Ấp Phú Mỹ, xã Long Khánh, huyện Cai Lậy, Tiền	4	292	4,981	đến 10/2016
F00137QSDĐ/3761/ TQĐ4B	Ấp Phú Mỹ, xã Long Khánh, huyện Cai Lậy, Tiền	4	525	5,795	đến 10/2016
T00019	Xã Eatu, thành phố Buôn Ma Thuột, Đaklak	209	15A	7,941	đến 2022
T00012	Xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Thạnh, Tp. Cần Thơ	1	-	3,366,512	đến 13/1/2023
00106QSDĐ/247	Xã Tân Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	-	-	196,409	đến 02/2022
00110QSDĐ/QĐ2567	Xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	386B	43	1,218	đến 01/01/2026
00111QSDĐ/QĐ2567	Xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	386B	361	81,536	đến 15/10/2013
T00845QSDĐ/QĐ- 1812/T-2007	Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	-	34	5,000	đến 15/1/2054
T00249/CN-2005	Xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	25	48	673,373	đến 25/3/2020

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2009	01/01/2009
Chi phí lập bản vẽ xin giấy phép xây dựng trại Lâm Hà	22,000,000	22,000,000
Chi phí khảo sát địa chất công trình nhà công vụ Tân Hiệp	10,000,000	10,000,000
Chi phí xây dựng chi nhánh Hà Nội	95,220,140	95,220,140
Chi phí xây dựng xưởng cơ khí	434,676,719	-
Chi phí máy móc cơ khí phục vụ nội bộ	-	41,569,210
Cộng	561,896,859	168,789,350

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		31/12/2009	01/01/2009
Đầu tư vào Công ty con	(*)	4,200,000,000	-
Đầu tư Trái phiếu Chính phủ	(**)	11,000,000	11,000,000
Cộng		4,211,000,000	11,000,000

(*) Đầu tư dài hạn mua 420.000 cổ phần Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Bắc Nghệ An với giá mua bằng mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 70% (tổng vốn điều lệ: 6 tỷ đồng). Công ty chưa nhận được bất kỳ các khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ khoản đầu tư trên.

(**) Đầu tư Trái phiếu Chính phủ với kỳ hạn 05 năm, lãi suất 8,6%/năm, đáo hạn vào tháng 8/2010.

9. Tài sản dài hạn khác		31/12/2009	01/01/2009
Chi phí trả trước dài hạn	(*)	1,494,923,045	3,265,538,112
Tài sản dài hạn khác	(**)	744,000,000	744,000,000
Cộng		2,238,923,045	4,009,538,112

(*) Bao gồm:

Giá trị lợi thế cạnh tranh		535,178,812	568,627,492
Chi phí thuê đất		-	1,890,443,115
Chi phí đền bù đất Củ Chi		131,400,004	175,200,002
Chi phí sửa chữa, mở rộng các trạm, chi nhánh		810,730,123	607,743,729
Chi phí công cụ, dụng cụ (VPCT, Trạm Tây Nguyên)		17,614,106	23,523,774
Cộng		1,494,923,045	3,265,538,112

(**) Khoản ký quỹ thuê nhà xưởng tại xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, Tp.HCM theo hợp đồng thuê nhà xưởng số 11-HĐKT/GTC ngày 08/3/2006.

10. Vay và nợ ngắn hạn		31/12/2009	01/01/2009
Vay ngắn hạn		20,376,185,753	-
Vay dài hạn đến hạn trả	(16*)	1,153,000,000	1,153,000,000
Cộng		21,529,185,753	1,153,000,000

Tình hình tăng giảm các khoản nợ vay

	01/01/2009	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2009
Ngân hàng NNo & PTNTVN	-	30,272,973,443	9,896,787,690	20,376,185,753
Vay dài hạn đến hạn trả	1,153,000,000	576,500,000	576,500,000	1,153,000,000
Cộng	1,153,000,000	30,849,473,443	10,473,287,690	21,529,185,753

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

Vay từ Ngân hàng NNo&PTNT Việt Nam - CN TP.HCM theo hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-200801317 ngày 09/9/2008 với hạn mức tín dụng được cấp là 20 tỷ đồng. Mục đích vay là mở L/C, phát hành chứng thư bảo lãnh, chiết khấu bộ chứng từ (nếu có). Thời hạn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng không vượt quá 12 tháng. Lãi suất vay từ 4,25% đến 4,75%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2009 là 1,135,733.00 USD tương đương với 20.376.185.753 đồng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

11. Phải trả người bán và người mua trả trước	31/12/2009	01/01/2009
Phải trả người bán	3,037,786,520	12,661,298,041
Người mua trả trước	1,893,241,138	1,392,668,087
Cộng	4,931,027,658	14,053,966,128

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2009	01/01/2009
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	116,013,833	21,296,213
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,388,939,823	317,199,677
Thuế thu nhập cá nhân	53,430,738	65,231,054
Thuế khác	-	3,555,083
Cộng	1,558,384,394	407,282,027

13. Phải trả công nhân viên	31/12/2009	01/01/2009
Lương còn phải trả cho nhân viên	12,239,647,722	4,558,294,053

14. Chi phí phải trả	31/12/2009	01/01/2009
Chiết khấu thương mại	3,023,216,316	1,327,916,445
Chiết khấu thanh toán	204,863,588	680,644,129
Hỗ trợ chi phí vận chuyển	681,852,312	167,240,545
Hỗ trợ phí chuyển tiền	315,616,290	87,171,019
Bản quyền tiêu thụ bấp lai Pacific	17,951,000	127,561,000
Chi phí lãi vay phải trả	20,106,101	-
Chi phí phải trả khác	237,380,324	488,103,100
Cộng	4,500,985,931	2,878,636,238

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2009	01/01/2009
Tài sản thừa chờ xử lý	17,132,280	7,547,447
Bảo hiểm y tế	30,977,821	44,297,331
Kinh phí công đoàn	144,757,000	60,334,000
Bảo hiểm thất nghiệp	20,530,051	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	9,505,656,215	2,456,986,763
Cộng	9,719,053,367	2,569,165,541

(*) Các khoản phải trả, phải nộp khác bao gồm: 31/12/2009

Cổ tức phải trả	7,165,995,000
Thù lao HĐQT & BKS	887,699,296
Khoản phải trả hoa hồng và thưởng cho tác giả nghiên cứu	444,538,500
Khoản nhận hỗ trợ từ Trung tâm khuyến nông quốc gia	500,000,000
Phải trả khác	507,423,419
Cộng	9,505,656,215

16. Vay và nợ dài hạn	31/12/2009	01/01/2009
Vay dài hạn	4,323,892,740	5,476,892,740
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	(1,153,000,000)	(1,153,000,000)
Cộng	3,170,892,740	4,323,892,740

Chi tiết vay dài hạn

	01/01/2009	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2009
Ngân hàng Phát triển	3,150,892,740	-	526,000,000	2,624,892,740
Quỹ Đầu tư Phát triển	2,326,000,000	-	627,000,000	1,699,000,000
Cộng	5,476,892,740	-	1,153,000,000	4,323,892,740

Vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM theo Hợp đồng vay vốn quỹ đầu tư ngành giống số 41/2006-HĐTD-VNN-TD1 ngày 01/11/2006 với số dư gốc vay là 3,988 tỷ đồng. Mục đích vay là đầu tư xây dựng nhà máy chế biến giống cây trồng Hà Nội, cụ thể: xây dựng nhà bao che, khung Zamil, bin sấy, thiết bị điện và mua sắm máy móc thiết bị (90% giá trị thiết bị, không bao gồm thiết bị điện). Thời hạn vay là 08 năm. Lãi suất vay 5,4%/năm. Chi tiết hình thức đảm bảo tiền vay, tài sản bảo đảm được quy định tại Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 41A/2006/HĐTCTS-VNN-TD1 ngày 01/11/2006. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2009 là 2.624.892.740 đồng, trong đó phần đáo hạn trong năm 2010 là 526.000.000 đồng.

Vay từ Quỹ Hỗ trợ Phát triển - CN TP.HCM theo Hợp đồng vay vốn quỹ đầu tư ngành giống số 04/HĐTD-TĐDP-2006 ngày 17/2/2006 với số dư gốc vay là 3,762 tỷ đồng. Mục đích vay là xây dựng nhà bao che, khung Zamil, bin sấy, thiết bị điện và mua sắm máy móc thiết bị (90% giá trị thiết bị, không bao gồm thiết bị điện). Thời hạn vay là 07 năm. Lãi suất vay 5,4%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ nguồn vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2009 là 1.699.000.000 đồng, trong đó phần đáo hạn trong năm 2010 là 627.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Nguồn vốn chủ sở hữu

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001067 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/5/2008, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng, chia thành 10.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đ/cổ phần. Các cổ đông đăng ký vốn theo điều lệ và thực tế góp vốn đến ngày 31/12/2009 như sau:

Danh sách cổ đông	Tỷ lệ góp vốn	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn góp đến 31/12/2009
Vốn Nhà nước	19.2%	19,200,000,000	19,200,000,000
Vốn cổ đông khác	80.8%	80,800,000,000	80,800,000,000
Tổng cộng	100.00%	100,000,000,000	100,000,000,000

a. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	01/01/2009	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2009
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100,000,000,000	-	-	100,000,000,000
Thặng dư cổ phần	528,054,000	2,265,220,000	-	2,793,274,000
Cổ phiếu quỹ	(2,728,050,000)	-	(2,701,600,000)	(26,450,000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	185,373,216	(185,373,216)
Quỹ đầu tư phát triển	24,437,054,911	10,979,414,864	-	35,416,469,775
Quỹ dự phòng tài chính	6,738,202,054	1,784,779,250	-	8,522,981,304
Lợi nhuận chưa phân phối	9,342,438,049	50,633,946,824	33,814,676,914	26,161,707,959
Cộng	138,317,699,014	65,663,360,938	31,298,450,130	172,682,609,822
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	898,247,544	2,855,646,800	1,783,860,000	1,970,034,344
Tổng cộng	139,215,946,558	68,519,007,738	33,082,310,130	174,652,644,166

Thặng dư vốn cổ phần tăng do chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của cổ phiếu quỹ đã bán.

Cổ phiếu quỹ giảm do bán cổ phiếu quỹ với số lượng là 100.000 cổ phiếu với giá bán bình quân là 49.669 đồng/cổ phiếu và giá vốn xuất bán là 27.016 đồng/cổ phiếu.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ các khoản mục tiền gửi ngân hàng và vay ngắn hạn có gốc ngoại tệ.

b. Cổ phiếu

	Năm 2009
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	10,000,000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	10,000,000
- Cổ phiếu thường	10,000,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	980
- Cổ phiếu thường	980
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9,999,020
- Cổ phiếu thường	9,999,020
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đồng/CP

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

c. Lợi nhuận chưa phân phối giảm do:	Năm 2009
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	10,979,414,864
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	1,784,779,250
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	2,855,646,800
Chia cổ tức đợt 3 năm 2008 (3% vốn đầu tư của chủ sở hữu)	2,969,706,000
Chia cổ tức đợt 1 năm 2009 (8% vốn đầu tư của chủ sở hữu)	7,927,216,000
Chia cổ tức đợt 2 năm 2009 (7% vốn đầu tư của chủ sở hữu)	6,999,314,000
Trích thù lao HĐQT và BKS (không kiêm nhiệm)	298,600,000
Cộng	33,814,676,914

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu thuần	Năm 2009	Năm 2008
Doanh thu bán thành phẩm	263,858,529,125	197,358,206,481
Doanh thu bán hàng hóa	17,439,138,348	14,847,949,175
Doanh thu cung cấp dịch vụ	583,322,162	94,357,522
Cộng doanh thu	281,880,989,635	212,300,513,178
- Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(11,837,363,001)	(5,765,391,879)
Giảm giá hàng bán	(519,992,510)	(44,610,000)
Hàng bán bị trả lại	(11,393,886,030)	(4,387,289,884)
Doanh thu thuần	258,129,748,094	202,103,221,415
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2009	Năm 2008
Giá vốn thành phẩm đã bán	137,390,962,561	130,929,876,611
Giá vốn hàng hóa đã bán	16,390,440,186	9,161,517,113
Giá vốn cung cấp dịch vụ	176,247,315	16,599,270
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1,042,565,504	(5,602,185,583)
Cộng	155,000,215,566	134,505,807,411
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2009	Năm 2008
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4,668,923,244	4,508,710,509
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6,960,843	49,312,782
Cộng	4,675,884,087	4,558,023,291

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí tài chính	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí lãi vay	443,089,790	781,119,872
Chiết khấu thanh toán	488,853,011	1,542,084,464
Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	792,109,410	773,141,634
Chi phí tài chính khác	203,792,753	-
Cộng	1,927,844,964	3,096,345,970

5. Chi phí bán hàng	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí nhân viên	8,155,286,523	4,588,870,413
Chi phí vật liệu, bao bì	1,078,258,004	307,131,453
Chi phí công cụ dụng cụ	30,956,634	85,735,866
Chi phí khấu hao	20,226,783	5,362,084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,580,617,673	5,287,891,562
Chi phí bằng tiền khác	6,666,349,695	5,366,267,274
Cộng	21,531,695,312	15,641,258,652

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí nhân viên quản lý	16,896,300,582	8,211,710,394
Chi phí vật liệu quản lý	625,780,195	595,808,077
Chi phí dụng cụ văn phòng	190,872,357	267,727,371
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,268,018,064	1,742,491,069
Thuế, phí và lệ phí	307,366,456	280,670,034
Chi phí dự phòng	225,604,000	359,750,544
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,034,470,161	2,091,198,567
Chi phí bằng tiền khác	4,128,768,427	6,158,316,412
Cộng	28,677,180,242	19,707,672,468

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận kế toán trước thuế	56,279,338,528	33,734,177,556
- Hoạt động sản xuất kinh doanh cây giống	56,003,524,469	32,730,192,211
- Hoạt động kinh doanh khác	275,814,059	1,003,985,345
Các khoản không được khấu trừ	84,500,000	-
- Hoạt động sản xuất kinh doanh cây giống	-	-
- Hoạt động kinh doanh khác	84,500,000	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ này	56,363,838,528	33,734,177,556
Thuế suất thuế TNDN		
- Hoạt động sản xuất kinh doanh cây giống	20%	20%
- Hoạt động kinh doanh khác	25%	28%
Thuế TNDN phải nộp ước tính	11,290,783,408	6,827,154,339
- Hoạt động sản xuất kinh doanh cây giống	11,200,704,894	6,546,038,442
- Hoạt động kinh doanh khác	90,078,515	281,115,897
Thuế TNDN được miễn giảm (50%)	5,645,391,704	3,413,577,169
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5,645,391,704	3,413,577,169

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	50,633,946,824	30,320,600,387
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	50,633,946,824	30,320,600,387
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9,938,309	9,959,431
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5,095	3,044

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Thông tin khác

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

2. Số dư và nghiệp vụ với các bên hữu quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bắc Nghệ An	Công ty con	Góp vốn đầu tư	4,200,000,000

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bắc Nghệ An	Công ty con	Phải thu khác	360,000,000

Kế toán trưởng

TP HCM, ngày 27 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc

NGUYỄN TIẾN HIỆP

HÀNG PHI QUANG